

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/DS-PT.

Ngày: 02-8-2017

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tân

Các Thẩm phán: Ông: Đinh Việt Nam

Bà: Nguyễn Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Khánh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Ông Hoàng Đức Triết- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLPT- DS ngày 20 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2017/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như B; Địa chỉ: Số nhà 105, đường Phạm Ngũ Lão, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang A; Địa chỉ: Đội 5, Thôn Tích Tường, xã H, thị xã E, tỉnh Q.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn Q; Địa chỉ: Đội 5, Thôn T, xã H, thị xã E, tỉnh Q.

3. Người kháng cáo bị đơn Ông Phan Văn Q

4. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Hoài P: Địa chỉ: Khu phố 2, Phường 1, thị xã E, tỉnh Q (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Như B: Địa chỉ: Đội 5, Thôn T, Xã H, thị xã E, tỉnh Q (Có

mặt)

- Phan Thị Diệu Q; Địa chỉ: Đội 5, Thôn T, Xã H, thị xã E, tỉnh Q (Có mặt)
- Ông Nguyễn T; : Đội 1, Thôn T, Xã H, thị xã E, tỉnh Q (Vắng mặt không có lý do)
- Ông Nguyễn V; Đội 6, Thôn T, Xã H, thị xã E, tỉnh Q(Vắng mặt không có lý do)
- Ông Nguyễn H; Đội 5, Thôn T, Xã H, thị xã E, tỉnh Q(Vắng mặt không có lý do)
- Ông Nguyễn T; Đội 5, Thôn T, Xã H, thị xã E, tỉnh Quảng Trị (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Q nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2016 và tại đơn trình bày ý kiến ngày 11/02/2017, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như B trình bày: Trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2014 vợ chồng ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị Như B có mượn bà B một số tiền để sử dụng vào các mục đích sau: Tiền đóng học phí, tiền mua laptop cho Phan Thị Diệu Q; Tiền mua ngôi lợp nhà; tiền trả tiền công cho thợ làm nhà; tiền chuộc sổ lương của ông Q. Những khoản tiền đó bà B chuyển qua nhiều hình thức khác nhau: Lúc thì chuyển qua địa chỉ bưu điện cho bà Nguyễn Thị Như B, lúc thì chuyển qua tài khoản của ông Q tại ngân hàng Sacombank Q, lúc thì đưa trực tiếp cho ông Q trong thời gian ông Q vào làm vườn cho bà B. Vì nghĩ là chị em ruột nên bà B không lưu lại những biên lai chuyển tiền, mà tin tưởng anh chị mình hứa sẽ trả tiền cho bà B đúng hẹn. Đến ngày 16/6/2016 bà B về quê thăm gia đình, luôn tiện ghé sang nhà vợ chồng ông Q để nói chuyện nợ nần, cùng đi với bà B có ông Nguyễn Hoài P (anh con cậu ruột bà B); khi lên nhà có hai vợ chồng ông Q, nói chuyện một lúc thì bà B xin phép đi nghỉ trước nên bà B ngồi nói chuyện với ông Q. Sau một hồi tính toán ông Q nói còn nợ bà B số tiền 35.000.000 đồng, ông Q đã viết giấy nợ và hẹn thời gian trả nợ như sau: Ngày 17/7/2016 trả số tiền 20.000.000 đồng, số tiền còn lại đến tháng 12/2016 sẽ trả hết, ông Q còn hứa: “để anh bán bò trả nợ cho đi”. Nhưng đến hẹn ông Q không trả nợ cho bà B theo thỏa thuận. Nay bà B khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn Q phải trả tiền gốc là: 35.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 17/7/2016 đến ngày 17/11/2016 là 4 tháng với lãi suất 0.75%/tháng của số tiền gốc 20.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi yêu cầu ông Q phải trả là 35.600.000 đồng. Tại các phiên tòa hòa giải ngày 20/01/2017; ngày 17/03/2017 và tại phiên tòa, ông Nguyễn Quang A đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Phan Văn Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Như B tiền gốc là 35.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 17/7/2016 đến ngày 17/11/2016

là 4 tháng với lãi suất 0,75%/tháng là: 600.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi yêu cầu ông Phan Văn Q phải trả là 35.600.000 đồng.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 17/12/2016, bị đơn ông Phan Văn Q trình bày: vào khoảng 20 giờ ngày 16/6/2016 ông Q vừa đi nhậu về đang say rượu nằm nghỉ thì có bà Nguyễn Thị Như B, anh Đinh Thế B (con trai bà B) và ông Nguyễn Hoài P (anh con cậu ruột của bà B) vào nhà ông Q gọi ông Q dậy và ép ông Q viết giấy nợ, bà B bảo chị vợ anh là Nguyễn Thị Như B có mượn bà B số tiền 35.000.000 đồng. Trong lúc đang say ông Q không làm chủ được hành vi nên có viết giấy nợ cho bà B. Sau khi tỉnh lại, thực tế chẳng hay biết gì về tiền bạc giữa bà B và bà B có vay mượn hay không. Từ trước đến nay bản thân ông Q chưa bao giờ mượn tiền của bà B còn vợ ông Q là bà B có mượn hay không, thì tiền gửi bằng phương tiện nào, cho biết thời gian cụ thể, không có giấy mượn tiền thì phải có giấy gửi tiền hoặc chuyển tiền qua tài khoản.

Tại các phiên tòa hòa giải ngày 20/01/2017; ngày 17/3/2017 và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Văn Q cho rằng ông không hề vay số tiền là 35.000.000 đồng của bà B, nếu có việc vay mượn số tiền đó thì giữa bà B và bà B (vợ ông Q) chứ ông Q không biết việc này và đề nghị phía nguyên đơn cung cấp đầy đủ chứng liên quan đến số tiền đó. Giấy mượn tiền do ông Q viết ngày 16/6/2016 là do hôm đó ông Q say rượu nên không làm chủ được bản thân, ông Q không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 17/02/2017 và tại biên bản ghi lời khai ngày 19/4/2017 ông Nguyễn Hoài P (người làm chứng) cho rằng: hôm cô B về thăm quê, cô B và ông P có ghé thăm vợ chồng ông Q, cô B; qua chào hỏi thăm sức khỏe của nhau thì ông Q bà B và ông P ngồi nói chuyện; sau khi nói chuyện trao đổi nợ nần thì ông Q công nhận nợ và viết giấy nợ cho cô B, ông P có nghe trong nội dung giấy nợ ông Q nói nợ 35.000.000 đồng và xin trả 02 đợt. Trong khi nói chuyện về số tiền nợ thì giữa ông Q và bà B trao đổi một cách nhã nhặn vui vẻ, ông Q còn nói với cô B rằng: “tôi sẽ bán con bò để trả tiền cho đi và trừa một ít để tu sữa chuồng trại”, ông Q viết giấy nợ trong trạng thái bình thường, trao đổi một cách rất nhã nhặn, tình cảm; ông Q hoàn toàn tỉnh táo, không hề say rượu, giấy nợ do ông Q tự nguyện viết, không ai ép buộc gì.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Q xử:

Căn cứ Điều 154; Điều 280; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như B

Buộc ông Phan Văn Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Như B số tiền: 35.600.000 (ba mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó: *Tiền gốc là 35.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 17/7/2016 đến 17/11/2016 là 4 tháng với lãi suất 0.75%/tháng trên số tiền gốc 20.000.000 đồng: 20.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 4 tháng = 600.000 đồng.*

Về án phí: ông Phan Văn Q phải chịu 1.780.000 đồng án phí DSST. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Như B số tiền 890.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00389 ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 29/05/2017 bị đơn ông Phan Văn Q kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên và trả hồ sơ về cho cấp sơ thẩm xét xử lại. Trong trường hợp phiên tòa phúc thẩm đã được bổ sung đầy đủ về việc thu thập chứng cứ và chứng minh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như B.

Tại phiên tòa phúc thẩm vị đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau : Quá trình thụ lý giải quyết vụ án thẩm phán chủ tọa phiên tòa, thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng khác thực hiện đúng và đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng tại Tòa án. Về nội dung vụ án bà B khởi kiện ông Q trên cơ sở giấy nhận nợ ngày 16/6/2016, theo bà B trình bày là bà có cho vợ chồng ông Q bà B vay nhiều lần, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà B vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ khoản nợ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ về việc giao nhận tiền không đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không bổ sung được . Kháng cáo của ông Q cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập người làm chứng : Ông Nguyễn T, ông Nguyễn V, ông Nguyễn H, cháu Phan Thị Diệu Q đến phiên tòa là vi phạm thủ tục tố tụng ; thấy rằng trong quá trình xét xử sơ thẩm không ai yêu cầu triệu tập những người này tham gia phiên tòa với tư cách người làm chứng . Tại phiên tòa ông Q trình bày : ông T, ông V, ông H là những người cùng ông uống rượu ngày ông ký giấy nhận nợ nhưng không chứng kiến bà B, ông Q trao đổi đối chiếu viết giấy nhận nợ, còn cháu Q là con gái ông Q; vì vậy kháng cáo của ông là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên do cấp sơ thẩm không đưa bà B tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng, quá trình xác minh thu thập chứng cứ không đầy đủ vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ để cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xét kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng vì không đưa bà Nguyễn Thị Như B (Vợ ông) tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình thụ

lý vụ án ông Q không yêu cầu đưa bà B vợ ông vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đơn khởi kiện (BL 01) bà B căn cứ vào giấy nhận nợ chỉ một mình ông Q ký để yêu cầu ông Q trả nợ theo cam kết. Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa sơ và phúc thẩm bà B không nhận là có mượn tiền bà B và đã cùng chồng ông Q thể hiện ý chí từ chối trốn tránh việc trả nợ từ đầu; sau khi xét xử sơ thẩm bà B không kháng cáo yêu cầu bà B có nghĩa vụ liên đới trả tiền. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở căn cứ đưa bà B tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, kháng cáo của ông Q và ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận. Kháng cáo của ông Q cho rằng tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông Nguyễn T, ông Nguyễn V, ông Nguyễn H, cháu Phan Thị Diệu Q (Con gái ông Q) đến tòa với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng : Ở cấp sơ thẩm không ai đề nghị tòa án triệu tập những người trên tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Tòa án cấp phúc thẩm có triệu tập hợp lệ những người này tham gia phiên tòa nhưng họ không đến và không có ý kiến gì; các tài liệu có trong hồ sơ cũng không có ý kiến của những người này. Tại phiên tòa ông Q cũng không cung cấp được tài liệu nào thể hiện những người này có biết việc liên quan đến mượn tiền giữa bà B và ông Q. Theo trình bày của ông tại phiên tòa thì ông T, ông V, ông H là những người cùng ông uống rượu, không biết ông có mượn tiền của bà B hay không và cũng không chứng kiến việc ông viết giấy nhận nợ với bà B. Còn cháu Q con gái ông Q tại phiên tòa khai cháu nghĩ sinh nằm trong phòng có nghe lúc được lúc không nghe rõ vì con khóc, ông A không thừa nhận lời khai của cháu nên không có cơ sở xem xét. Vì vậy ông Q kháng cáo tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người này làm nhân chứng vi phạm là không đúng và không có cơ sở .

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Ông Phan Văn Q cho rằng ông không hề có vay tiền của bà Nguyễn Thị Như B. Bà B đã lợi dụng lúc ông say rượu không làm chủ được hành vi của mình mà lừa ông viết giấy xác nhận nợ ngày 16/6/2016 ,Hội đồng xét xử thấy :

Ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị Như B là hai vợ chồng, theo bà Nguyễn Thị Như B thì do có quan hệ ruột thịt (Bà B là chị ruột bà B) nên bà cho hai vợ chồng anh chị mượn tiền nhiều lần. Ngày 16/6/2016 bà B về quê đến nhà ông Q thăm và đề nghị trả nợ, sau khi trao đổi về các khoản tiền nợ, ông Q đã viết giấy cam kết hẹn ngày trả nợ : Xác định còn nợ 35.000.000, đồng và cam kết ngày 17/7/2016 trả 20.000.000, đồng; tháng 12/2016 trả hết số tiền còn lại . Ông Q cho rằng ông bị ép buộc viết giấy nhận nợ trong lúc say rượu: Hội đồng xét xử thấy rằng chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là giấy nhận nợ do ông Q viết nắn nót ngay ngắn trên khổ giấy học trò, không có biểu hiện của người say viết. Những người có mặt ngày hôm đó không thừa nhận có hành động hay lời nói ép buộc ông Q phải viết giấy nhận nợ và cũng không có lý do chính đáng nào để họ làm việc đó với người thân của mình. Ông Nguyễn Hoài P là người đi cùng với bà B đến nhà ông Q và trực tiếp biết việc ông Q viết giấy nợ là hoàn toàn tự nguyện chứ ông Q

không hề bị ép buộc hay không làm chủ được hành vi do say rượu. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Q không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện những người đi theo bà B có hành động hay lời nói ép buộc ông Q phải viết giấy nhận nợ, nên không có cơ sở xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Q lại nại ra rằng bị ông P lừa dối, đọc cho ông viết giấy nhận nợ chứ thực tế ông không mượn tiền, ông P không thừa nhận và cho rằng ông Q tự nguyện viết. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Q là người có đủ năng lực hành vi dân sự, tự mình viết giấy nhận nợ nhưng lúc thì nại ra bị ép buộc, lúc thì nại ra do bị lừa dối, do say rượu, nhưng không chứng minh được nên không có cơ sở xem xét. Về việc vay mượn ông Q và bà B là vợ chồng sau khi đối chiếu ông Q đã viết giấy nhận nợ, bà B căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 16/6/2016 chỉ yêu cầu ông Q trả nợ là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 268, Khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự ; Điều 154, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 BLDS :

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Phan Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc ông Phan Văn Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Như Bình số tiền: 35.600.000 đồng (Ba mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng); trong đó tiền gốc: 35.000.000 đồng; tiền lãi: 600.000 đồng (17/7/2016 đến 17/11/2016 là 4 tháng x 0,75% trên số tiền gốc 20.000.000 đồng).

2. Về án phí: Ông Phan Văn Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00425 ngày 01/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Trị.

Những Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND tỉnh Q.Trị
- TAND thị xã Q
- Chi cục THA Th.xã Q
- Phòng KTNV, Tổ HCTP
- Lưu VT-HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tân